

## NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG CHƯƠNG TRÌNH DI DỜI CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT GÂY Ô NHIỄM CÓ QUI MÔ VỪA VÀ NHỎ VÀO KCN VÀ VÙNG PHỤ CẬN TẠI TPHCM

● Sơn Thanh Tùng\*

**Đ**ối kháng giữa bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế luôn diễn ra. Bảo vệ môi trường bền vững không chỉ là nghiêm cấm người dân, doanh nghiệp không gây ô nhiễm môi trường, mà còn phải giúp họ có cơ hội làm việc, phát triển kinh tế và có điều kiện sống chất lượng hơn, từ đó sẽ không xâm hại đến tài nguyên và làm suy thoái môi trường. Đã có nhiều dự án, chương trình nghiên cứu để giải quyết xung đột quyền lợi giữa phát triển kinh tế và bảo vệ tài nguyên, môi trường trong sản xuất công nghiệp và nông nghiệp.

Tại TP.HCM, để giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong thành phố, chính quyền thành phố đã tiến hành chương trình di dời các cơ sở sản xuất (CSSX) gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư. Tuy nhiên, chương trình này gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện vì không thể đơn giản di dời CSSX khi còn nhiều vấn đề chưa giải quyết về qui hoạch, tài chính, xử lý ô nhiễm... cũng như các tác động xã hội và kinh tế đi kèm. Với giới hạn cho phép về thời gian và kinh phí, nhóm nghiên cứu chỉ nghiên cứu việc thực hiện chương trình di dời đối với các CSSX qui mô vừa và nhỏ. Các CSSX này có những khó khăn đặc thù khi phải thực hiện chương trình

di dời này. Đây là nhóm đối tượng "dễ chịu tổn thương" trong các chính sách cải thiện môi trường của Nhà nước khi họ là những cơ sở nhỏ có vốn liếng ít ỏi, do đó sẽ khó thực hiện nghiêm ngặt những qui định của Nhà nước mà không chịu nhiều tổn thất về kinh tế và xã hội. Hiện vẫn chưa có những nghiên cứu chính thức nào tại Việt nam về những khó khăn, trở ngại khi thực hiện chương trình di dời cũng như những tác động kinh tế xã hội đối với nhóm đối tượng này. Đề tài này được thực hiện nhằm đánh giá hiệu quả của chương trình di dời, các trở ngại và tác động KT-XH đối với các CSSX vừa và nhỏ trong thời gian qua.

### **Kết quả thực hiện chương trình di dời**

Theo Ban chỉ đạo công tác di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường TPHCM, đến nay có khoảng 1.260 đơn vị đã di dời, ngưng sản xuất, khắc phục ô nhiễm, đạt gần 90%. Nhiều vùng bị ô nhiễm nghiêm trọng trong thời gian dài đã trở lại trong lành như khu vực các nhà máy thép ở quận 7, các cơ sở sản xuất nhôm và thuộc da ở quận Tân Bình...

Mặt dù thành quả đạt được khá lớn nhưng thực tế nảy sinh hàng loạt vướng mắc. Bà Quách Tố Dung, Phó Giám đốc Sở Công nghiệp cho

\* ThS. Bộ môn Đô thị học

biết, kế hoạch ban đầu chỉ có 260 cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần phải di dời nhưng trong quá trình triển khai, cuối năm 2006 thì thống kê lên tới 1.402 đơn vị! Chính việc phát sinh số lượng lớn các doanh nghiệp đã đẩy TP vào thế lúng túng. Diện tích đất sẵn sàng cho thuê của các khu công nghiệp (KCN) không đáp ứng đủ nhu cầu, hoặc không thích hợp đối với các CSSX vừa và nhỏ (cơ sở tiểu thủ công nghiệp) trong khi có đến 66% đối tượng thuộc loại này.

Hiện TP.HCM cũng vẫn khoảng 150 cơ sở sản xuất ô nhiễm xen kẽ trong khu dân cư nội thành thuộc diện phải di dời nhưng vẫn chưa chịu di dời. Sở TNMT cũng đang kiểm tra những đơn vị này để có cơ sở kiến nghị với UBND TP biện pháp xử lý cụ thể, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của từng doanh nghiệp. Đối với những cơ sở bị phát hiện có hành vi vi phạm, ngoài việc bị xử phạt hành chính ở mức cao nhất, cơ sở đó có thể còn bị buộc tạm ngưng công đoạn sản xuất phát sinh ô nhiễm.

#### **Phân tích các vấn đề bất cập trong quá trình thực hiện chương trình di dời**

Không thể phủ nhận một số thuận lợi khi thực hiện chương trình này. Đó là sự quan tâm chỉ đạo của UBND Thành phố và từ đó các chính quyền địa phương đã tuân thủ thực hiện chính sách này, chủ động trong công tác tìm kiếm mặt bằng, tổ chức đưa các cơ sở sản xuất tham quan các khu công nghiệp, kiểm tra, thường xuyên nhắc nhở các cơ sở sản xuất thực hiện di dời... nên đã góp phần giảm tình trạng ô nhiễm trong các khu dân cư trong thành phố. Bên cạnh đó, ý thức của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường đã nâng cao, tạo áp lực lên các CSSX gây ô nhiễm buộc họ phải hành động.

Tuy nhiên, chương trình di dời đã gặp nhiều trở ngại. Kết quả là mãi đến hôm nay vẫn chưa hoàn thành (khoảng 150 cơ sở sản xuất ô nhiễm xen kẽ trong khu dân cư nội thành thuộc diện phải di dời nhưng vẫn chưa chịu di dời) dù theo kế hoạch chương trình bắt đầu từ năm 2002 và kết thúc 2004 theo quyết định của Hội đồng Nhân dân thành phố. Đến năm 2006, Ban chỉ đạo công tác di dời của Thành phố đã giải thể và chương trình này được chuyển giao cho các quận huyện trực tiếp giải quyết. Năm 2008, thành phố đã họp và quyết định ra hạn cuối cùng cho các

cơ sở sản xuất gây ô nhiễm đến đầu năm 2009 phải di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra khỏi thành phố. Dù vậy, việc thực hiện đúng theo thời hạn này sẽ là dấu hỏi lớn.

Qua quá trình nghiên cứu, chúng tôi nhìn thấy được những vấn đề sau đây khi thực hiện chương trình. Các vấn đề này đã tác động đến hiệu quả của chương trình, ảnh hưởng đến sự thực hiện chính sách một cách bền vững.

#### **1. Về địa điểm di dời**

- Ngay từ giai đoạn đầu khi thực hiện chương trình di dời (năm 2002), các cơ sở đã gặp phải khó khăn về tìm địa điểm di dời. Theo Ban chỉ đạo di dời TP.HCM, nhu cầu đất của các doanh nghiệp di dời là 730 ha, nhưng các khu công nghiệp chỉ có thể cho thuê gần 70 ha. Diện tích thuê đất tại các khu công nghiệp chỉ đáp ứng được 20 - 25% nhu cầu thuê đất của các cơ sở di dời (theo số liệu của Quận 11).. Điều này khiến một số doanh nghiệp di dời không tìm được điểm đến. Cụ thể, khu công nghiệp Lê Minh Xuân và khu công nghiệp Hiệp Phước được quy hoạch dành cho các doanh nghiệp gây ô nhiễm di dời nhưng đến nay khu công nghiệp Minh Xuân chỉ còn 14 ha đất trống (chỉ tiếp nhận những doanh nghiệp không gây ô nhiễm nặng). Nhiều cơ sở đã không kịp thời liên hệ nên không thuê được đất tại khu công nghiệp Lê Minh Xuân.

- Công tác di dời còn gặp phải một số khó khăn do cơ sở hạ tầng các KCN chưa sẵn sàng. Khu công nghiệp Hiệp Phước chậm trễ trong việc xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng tiếp nhận. Đến năm 2003, vào thời điểm thực hiện chương trình, KCN này mới có 50 ha đang triển khai và 30 ha khác đang giao đất. Cũng giống như vậy, nhiều khu công nghiệp đã qui hoạch nhưng lại vướng khâu đền bù giải toả chưa xong. Một số KCN (như Hiệp Phước và Tân Phú Trung) không có nguồn cung cấp nước sạch mà nguồn nước tại khu công nghiệp lại nhiễm phèn nặng, không thể đưa vào sản xuất. Do đó, một số cơ sở ban đầu thuê đất tại khu công nghiệp Hiệp Phước, sau đó phải thanh lí hợp đồng và chuyển sang thuê đất tại khu công nghiệp Lê Minh Xuân, nên phần nào ảnh hưởng đến tiến độ di dời (cơ sở: Bùi Thị Hoa Lan, Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Huy Chương, Đỗ Hữu Thanh - Quận 11).

- Trong dự tính qui hoạch thì các cơ sở sản xuất sẽ di dời đến các KCN. Tuy nhiên trong

quá trình thực hiện lại nảy sinh vấn đề mới đó là nền đất tại địa điểm di dời - cụ thể là tại khu công nghiệp Tân Phú Trung - nằm trên nền đất yếu nên chi phí đầu tư xây dựng quá cao (gấp hai lần so với các khu công nghiệp khác). Còn khu công nghiệp Lê Minh Xuân là có nền đất yếu, đặc điểm chính là đất bồi sông. Chính vì vậy, một số cơ sở sản xuất khi các cơ sở tiến hành xây dựng nhà xưởng, có một số nhà xưởng bị sụp đổ. Dẫn đến khó khăn nghiêm trọng về nguồn vốn khi các cơ sở phải tiến hành xây dựng lại như: cơ sở Đặng Tư Ký, địa chỉ 41/12 Âu cơ, Phường 9.

- Do không tìm được điểm đến hoặc không muốn vào KCN với chi phí cao, nhiều doanh nghiệp đang chuyển ra các tỉnh khác mà không vào các khu công nghiệp của Thành phố. Cũng theo ông Trịnh Văn Sơn (Phó Trưởng cơ quan đại diện Bộ Công Thương tại Thành phố Hồ Chí Minh), do không đủ vốn để thuê và đầu tư tại mặt bằng mới gần Thành phố. Hồ Chí Minh vì giá quá cao, cho nên doanh nghiệp phải tìm địa điểm di dời tại các khu công nghiệp ở những vị trí xa hơn để giảm giá thuê đất, cho dù không thuận lợi, bị tăng chi phí vận chuyển, khó khăn về lao động, qui mô sản xuất không như mong đợi, thời gian được nhận bàn giao đất rất chậm, hạ tầng cơ sở không hoàn chỉnh làm ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ đầu tư.

(Hiện nay, dự án đầu tư khu đô thị Tây Bắc TP.HCM do Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn làm chủ đầu tư, dự kiến trước mắt xây dựng khu công nghiệp với quy mô 500 ha để bố trí các cơ sở sản xuất công nghiệp từ nội thành di dời ra. Khu công nghiệp này phục vụ cho các ngành công nghiệp gây ô nhiễm về khí thải, tiếng ồn. Giá cho thuê đất dự kiến là 20 USD/m<sup>2</sup>/50năm, giảm giá so với mức 35-50 USD/m<sup>2</sup>/45năm của khu công nghiệp Hiệp Phước, 35-40 USD/m<sup>2</sup>/46năm của khu công nghiệp Lê Minh Xuân)

- Có đơn vị đã có đất, muốn xúc tiến di dời nhưng địa điểm không đúng với qui hoạch của thành phố. Tuy nhiên, theo thống kê sơ bộ của Sở Công Nghiệp, sẽ có khoảng 130 doanh nghiệp cần khoảng 600-700 ha, nhưng các khu công nghiệp thì không còn chỗ trống. Vì thế, Ban chỉ đạo công tác di dời đang khuyến khích cơ sở sản xuất chuyển ra các tỉnh lân cận.

- Khi quyết định di dời các cơ sở sản xuất

gây ô nhiễm ra khu công nghiệp và vùng phụ cận, thành phố chưa chuẩn bị đầy đủ mặt bằng, phương tiện để tiếp nhận cơ sở sản xuất nhất là những cơ sở gây ô nhiễm nặng như: thuộc da, nhuộm, nấu nhôm. Thành phố cũng chưa kịp thời quy hoạch một số cụm tiểu thủ công nghiệp để di dời các cơ sở vừa và nhỏ, vì vậy, một số cơ sở sản xuất tự tìm mặt bằng ở những vùng ven vừa không đảm bảo về mặt môi trường, vừa gặp khó khăn trong quá trình sản xuất. Ví dụ như ngành thuộc da đến đầu năm 2006 mới có địa điểm di dời là khu công nghiệp Hiệp Phước. Trong khi đó, chính sách hỗ trợ tài chính chỉ hỗ trợ cho những cơ sở di dời trong năm 2005.

- Diện tích đất cho thuê trong KCN quá lớn so với quy mô của một cơ sở sản xuất vừa và nhỏ, đặc biệt các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Mặt khác, các khu công nghiệp chỉ tiếp nhận cơ sở có quy mô sử dụng đất trên 2000 m<sup>2</sup>. Trong khi đó các cơ sở sản xuất chỉ cần khoảng 300 - 500m<sup>2</sup>. Trước vấn đề này, đã có một số khu công nghiệp có sự linh động trong thủ tục thuê diện tích đất là từ 400 - 800m<sup>2</sup>. Song lại có điều kiện rõ ràng là các cơ sở đó phải là cơ sở nấu đồng hoặc xi mạ.

Theo bà Trần Thị Bích Liên, Trưởng Phòng Kinh tế Quận 11, phần lớn doanh nghiệp gây ô nhiễm buộc di dời là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đối với các doanh nghiệp này, diện tích sản xuất chỉ cần vài trăm mét vuông là đủ. Vì vậy, họ không thể thuê đến 1.000 m<sup>2</sup> hay 2000 m<sup>2</sup> theo mức tối thiểu mà các khu công nghiệp đưa ra.

Tuy nhiên, theo các cán bộ kinh doanh ở Ban Quản lý các khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh nếu chia nhỏ các lô đất, chỉ vài trăm mét vuông thì chi phí hạ tầng sẽ tăng rất cao do phải làm thêm đường, kéo thêm dây điện, mở rộng mạng lưới cấp thoát nước. Giá thuê đất, vì thế, sẽ cao hơn nhiều.

## **2. Khó tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ từ ngân hàng**

Theo quyết định số 81/2002/QĐ-UB của UBND TP.HCM về một số chính sách tài chính cho việc di dời các cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường vào các khu công nghiệp tập trung và vùng phụ cận, có khá nhiều chính sách ưu đãi, tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp di dời đã ra đời như tất cả các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp di dời vào khu công nghiệp sẽ được

hỗ trợ lãi suất từ 3% - 4% khi vay vốn; miễn, giảm thuế; cho trả góp 50% tiền thuê đất... Thế nhưng, các doanh nghiệp gặp nhiều thủ tục khó khăn khi tiếp cận các chính sách ưu đãi trên. Đây là vấn đề nan giải nhất đối với các CSSX vì các CSSX cần sự hỗ trợ kinh phí để đổi mới thiết bị, công nghệ, xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm và xây dựng nhà xưởng mới tại các KCN.

Trong số trên 1.260 cơ sở di dời, phần lớn là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các CSSX này hầu hết không đủ khả năng về tài chính để xây dựng cơ sở hạ tầng cũng như chuyển đổi công nghệ, mua sắm máy móc phục vụ cho sản xuất, không đủ kinh phí để xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm, chi phí sản xuất tăng cao. (Ngay cả các doanh nghiệp lớn thì dù đã có phương án di dời, có địa điểm nhưng không cân đối được nguồn vốn để thực hiện đề án cũng làm tiến độ thực hiện di dời không đúng yêu cầu).

- Tuy nhiên, trong quá trình tiếp cận với nguồn vốn vay, các CSSX đều gặp khó khăn trong thủ tục nhận hỗ trợ từ ngân hàng. Thủ tục ngân hàng mâu thuẫn với quy định hỗ trợ của nhà nước. Trong chính sách hỗ trợ của nhà nước, CSSX được vay với lãi suất thấp để xây dựng nhà xưởng, mua sắm thiết bị, máy móc, công nghệ... mới. Tuy nhiên, theo qui định của ngân hàng, CSSX chỉ được vay với mục đích sản xuất và phải có sẵn nhà xưởng, cơ sở hạ tầng... để thế chấp. Điều này cản trở việc tiếp cận với nguồn vốn hỗ trợ, nhất là đối với các CSSX nhỏ. Hầu hết các CSSX đều không đáp ứng yêu cầu này vì họ mới di dời đến KCN và không có vốn để xây dựng nhà xưởng thì làm sao có nhà xưởng để thế chấp? Để giải quyết vấn đề này, một số CSSX phải cầm cố thế chấp nhà xưởng tại địa điểm cũ cho ngân hàng để lấy vốn đầu tư. Ngoài ra, các CSSX nhỏ không đủ lực để đầu tư vào khu công nghiệp thì lại càng không nằm trong diện được hưởng chính sách hỗ trợ của ngân hàng.

- Chính sách nhà nước còn nhiều bất cập và vướng mắc trong việc cấp giấy phép xây dựng, thủ tục cho thuê đất... Do đó, để hoàn tất một thủ tục đòi hỏi phải gắn kết thêm nhiều loại giấy tờ liên quan, từ đó kéo dài thời gian và làm cho việc vay vốn ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng được thực hiện chậm trễ. Theo lời của ông Phó Trưởng cơ quan đại diện Bộ Công Thương

tại TP.HCM, Trịnh Văn Sơn, thì: " Một nguyên nhân khiến cho doanh nghiệp thiếu vốn để thực hiện di dời, là do khâu thủ tục hành chính rườm rà, quá nhiều loại giấy tờ làm cho rất nhiều dự án của các doanh nghiệp di dời phải kéo dài nhiều năm. Vì vậy, nhiều dự án, khi lên kế hoạch chi tiết thực hiện thì gặp khó khăn về nguồn vốn.

Như thế, dù được ưu đãi về lãi suất khi vay vốn nhưng các doanh nghiệp đành bó tay vì không đáp ứng được các điều kiện vay. Tại Phường 9, có bốn cơ sở chưa di dời, cả bốn cơ sở này đều thuộc lĩnh vực sản xuất thủy tinh. Hiện tại cả bốn cơ sở này đều đã có đất ở khu công nghiệp Hiệp Phước. Tuy nhiên, nguyên nhân chính khiến các cơ sở này chưa di dời là các cơ sở này yếu kém về nguồn vốn, họ không có đủ kinh phí để xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc, thiết bị mới, đặc biệt là không đủ kinh phí để xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm. Và cuối cùng là chi phí sản xuất tại địa điểm mới tăng cao (tiền thuê công nhân, tiền nguyên liệu đầu vào), chưa xây dựng xong cơ sở hạ tầng...

Qua khảo sát, chỉ có 3 cơ sở nằm trong diện đã di dời nhận được hỗ trợ với tổng số tiền khoảng 300 triệu đồng. Trong đó, cơ sở nhận được sự hỗ trợ nhiều nhất là 130 triệu, cơ sở Lương Cam Hưng, 65/7 Âu Cơ; kế đến là cơ sở Phước Hùng, 38/12 Âu Cơ được hỗ trợ khoảng dưới 100 triệu đồng và cuối cùng là cơ sở Diêm Hưng, 22/8 Âu Cơ, 70 triệu đồng. Tất cả ba cơ sở trên đều thuộc lĩnh vực sản xuất thủy tinh, di dời trong năm 2005.

### 3. Tái ô nhiễm

Việc di dời các CSSX ra KCN và vùng phụ cận không giải quyết được vấn đề ô nhiễm. Các CSSX di dời ra khu vực phụ cận không đảm bảo việc giảm ô nhiễm vì họ không được tiếp cận nguồn vốn ngân hàng. Ngay cả các CSSX đã di dời vào KCN cũng tiếp tục gây ô nhiễm. Điều này thể hiện qua các thông tin gần đây về hiện trạng ô nhiễm tại các kênh rạch trong thành phố.

Dù có xây dựng hệ thống xử lý nước thải nội bộ, các cơ sở này phải phụ thuộc vào hệ thống xử lý chất thải của các khu công nghiệp. Hiện nay, hầu hết các khu công nghiệp đều xây dựng theo hình thức cuốn chiếu, có nghĩa là các khu công nghiệp phải cho thuê 40% diện tích thì mới



dám đầu tư hệ thống xử lý nước thải chung cho toàn khu công nghiệp. Nếu ngược lại, các khu công nghiệp sẽ bị lỗ. Ngay cả các KCN đã cho thuê trên 40% diện tích vẫn không đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung để giảm chi phí hoặc nếu đầu tư cũng không vận hành mà chỉ vận hành khi có đoàn kiểm tra.

Bên cạnh đó, việc bố trí không theo quy hoạch các ngành nghề trong khu công nghiệp cũng gây ô nhiễm cục bộ. Một số ngành nghề như thuộc da, nhuộm bị từ chối vào các khu công nghiệp.

Theo báo cáo của ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân TPHCM, tình hình ô nhiễm môi trường của TP ngày càng nghiêm trọng hơn. Các sông, kênh, rạch trên địa bàn TP như kênh Thầy Cai, kênh An Hạ (Củ Chi); kênh Bà Búp, Trần Quang Cơ (Hóc Môn)... nước có màu đen, mùi hôi rất nặng. Riêng huyện Bình Chánh có 55 kênh, sông, rạch thì đều bị ô nhiễm... Nguyên nhân gây ra tình trạng ô nhiễm trên được ban Kinh tế Ngân sách xác định chủ yếu là do nguồn nước thải của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp - khu chế xuất gây ra. Trong đó, tiêu biểu có các KCN như KCN Tân Phú Trung, KCN Lê Minh Xuân, Vĩnh Lộc...

Báo cáo cuối năm 2008 của UBND TP về tình hình ô nhiễm môi trường cũng cho rằng: TP.HCM hiện đang đối mặt với nhiều nguồn ô nhiễm như chất thải ô nhiễm từ các KCN, các cơ sở sản xuất; chất lượng nước, không khí tại các kênh rạch đều ở mức báo động. Kết quả là, chính quyền TP sẽ tổ chức đợt tổng kiểm tra. Trong đợt tổng kiểm tra này, Sở TNMT sẽ kết hợp với phòng CSMT kiểm tra đột xuất, không thông báo trước thời gian và địa điểm kiểm tra để tránh trường hợp doanh nghiệp chuẩn bị đối phó từ trước.

Như vậy, ngay cả khi di dời các CSSX vào các KCN, vấn đề ô nhiễm vẫn không được xử lý hiệu quả.

#### **4. Sự không đồng bộ giữa các địa phương về thời hạn thực hiện:**

So sánh tiến độ thực hiện di dời, có sự không đồng bộ về thời gian thực hiện giữa 2 quận Tân Bình và quận 11. Trong khi các CSSX tại quận Tân Bình phải thực hiện nghiêm ngặt việc di dời thì các CSSX tại quận 11 lại chậm trễ với sự ưu ái của chính quyền địa phương. Đây có thể là

nguyên do nhóm nghiên cứu không được sự cộng tác, hỗ trợ từ phía chính quyền quận 11. Sự không đồng bộ này tạo ra sự cạnh tranh không bình đẳng giữa các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh cùng mặt hàng và tạo tâm lý bất ổn cho các cơ sở. Các CSSX phải di dời chịu chi phí vận chuyển, sự thiếu hụt lao động và nhiều chi phí khác như chi phí xây dựng nhà xưởng, thuê hay mua đất, xử lý môi trường... Nhiều lao động tại quận Tân Bình nghỉ việc tại các CSSX di dời vì không muốn di chuyển đến địa điểm mới xa nhà và tìm đến các CSSX có cùng mặt hàng tại quận 11. Điều này thường xảy ra đối với ngành sản xuất thủy tinh. " Nhà nước phân chia đối xử, coi Quận Tân Bình như con ghê, còn Quận 11 là con ruột" là câu nói bức xúc của ông Hùng, chủ cơ sở Phước Hùng, địa chỉ 38/12 Âu cơ.

#### **5. Sự không đồng bộ giữa cơ sở nhà nước và tư nhân:**

Không có sự đồng bộ trong quá trình thực hiện chương trình di dời giữa các cơ sở tư nhân (chủ yếu qui mô vừa và nhỏ) với các cơ sở sản xuất nhà nước. Nhiều nhà máy thuộc Trung ương quản lý, Ban chỉ đạo di dời cấp Quận và Phường không có quyền hạn cưỡng chế việc di dời những cơ sở này. Điều này cũng gây bức xúc đối với người dân trong địa bàn khi họ phải chấp hành chủ trương chung của Thành phố dù gặp rất nhiều khó khăn. Trong khi đó các doanh nghiệp Nhà nước có nhiều lý do để trì hoãn sự ra đi.

Như trường hợp của Vissan, theo kế hoạch, công ty này phải di chuyển toàn bộ Xí nghiệp chăn nuôi Gò Sao - số 9A khu phố I, phường Thạnh Xuân, Quận 12 và dây chuyền giết mổ gia súc tại 420 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh trước tháng 12-2006. Nhưng trong buổi làm việc với HĐND Thành phố ngày 13-3-2007, Vissan đưa ra một số nguyên nhân lý giải cho việc chưa di dời như thiếu vốn, chưa bán được mặt bằng... Kết quả là ông Bùi Duy Đức - Tổng Giám Đốc Vissan - kiến nghị được gia hạn di dời cho đến cuối tháng 6 năm 2008. Ông Trần Xuân Bảo - Phó Chủ tịch UBND Quận Bình Thạnh - cho rằng: "Việc di dời của Vissan đã được gia hạn nhiều lần, tiến độ làm dự án để di dời rất chậm. Cứ mỗi lần đến kỳ họp HĐND Quận Bình Thạnh thì vấn đề vì sao Vissan chưa di dời lại được các đại biểu đưa ra chất vấn. Còn bản thân Quận thì không làm sao mà trả lời cho

cử tri được".

Tại quận Bình Thạnh, Trần Xuân Bảo - Phó Chủ tịch UBND Quận Bình Thạnh, cho biết trên địa bàn Quận có 44 doanh nghiệp sản xuất gây ô nhiễm môi trường, nằm trong danh sách phải di dời. Đến nay đã có 33/44 doanh nghiệp đã di dời, còn lại 11 doanh nghiệp chưa di dời, chủ yếu là các Công ty lớn. Trong đó, phải kể đến những Công ty đã có tên tuổi, thương hiệu trên thị trường như Sơn Bạch Tuyết, Dệt may Gia Định, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn một thành viên Việt Nam kỹ nghệ súc sản (Vissan), Nam Phong...

#### **6. Thiếu sự hỗ trợ về kỹ thuật và thông tin**

Trong quá trình thực hiện chương trình di dời, các CSSX không nhận được nhiều thông tin và hỗ trợ về kỹ thuật như thể hiện trong các báo cáo. Hầu hết các CSSX đều cho biết không nhận được sự hỗ trợ nào về mặt kỹ thuật như kỹ thuật, công nghệ xử lý nước thải...

Một trong những nguyên nhân dẫn đến việc nhiều CSSX khi đi vào hoạt động lại không được hưởng chính sách ưu đãi về Thuế theo chủ trương của Thành phố. Lý do là các cơ sở không được sự thông tin, hướng dẫn và hỗ trợ của ngành thuế trong việc lập hồ sơ thủ tục để được hưởng chính sách.

#### **7. Chính sách chế tài không rõ ràng:**

Quyết định của UBND Thành phố qui định rõ về thời gian cơ sở sản xuất phải di dời nhưng không quy định chế tài đối với những cơ sở sản xuất đã hết thời gian qui định nhưng không chấp hành, nên có một số cơ sở không chịu di dời, gây ảnh hưởng đến tiến độ di dời chung của Quận và Thành phố, nhất là đối với các doanh nghiệp Nhà nước. Điều này tạo ảnh hưởng không tốt đối với các CSSX nhỏ và dư luận chung.

#### **8. Chi phí di dời vào KCN vượt quá khả năng của một CSSX vừa và nhỏ:**

*Vấn đề chi phí cho sản xuất gia tăng:* Khi di dời vào các KCN hay vùng phụ cận, doanh nghiệp phải chịu nhiều bất lợi mà quan trọng nhất là chi phí sản xuất sẽ gia tăng nhiều. Đó là sự gia tăng về chi phí vận chuyển, chi phí xây dựng nhà xưởng, thuê mặt bằng, đổi mới máy móc, thiết bị, đầu tư hệ thống xử lý, giá nhân công bị yêu cầu cao hơn... Tất cả làm cho chi phí sản xuất gia tăng, dẫn đến việc cạnh tranh trên thị trường giảm.

*Giá thuê mặt bằng:* Về tiền thuê đất ở khu công nghiệp, dù doanh nghiệp chỉ phải trả 50%, số còn lại được trả góp trong vòng 10-20 năm nhưng giá thuê lại cao, giá tối thiểu hiện nay cũng 400.000 đồng/m<sup>2</sup>.

*Chi phí xử lý nước thải:* Sau khi di dời đến khu công nghiệp Lê Minh Xuân và tiến hành xây dựng nhà xưởng, CSSX Đặng Tư Ký, địa chỉ 41/12 Âu cơ, Phường 9, Quận Tân Bình, thuộc lĩnh vực sản xuất là thuộc da, đã tiến hành xây dựng hệ thống xử lý nước thải với giá đầu tư khoảng 2 tỉ đồng. Nhưng sau khi Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố kiểm tra không đạt tiêu chuẩn của khu công nghiệp, cơ sở phải tiến hành xây dựng lại với chi phí 16 tỉ đồng. Sau khi xây dựng xong, nguồn vốn để quay vòng sản xuất bị cạn kiệt, quá trình tiến hành sản xuất gặp nhiều khó khăn và CSSX này đứng trước nguy cơ bị giải thể. Bên cạnh việc buộc cơ sở phải đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải, Chương trình cũng buộc các cơ sở phải khắc phục ô nhiễm môi trường đã gây ra. Tại khu công nghiệp Lê Minh Xuân, 1m<sup>3</sup> nước thải qua trạm xử lý của khu công nghiệp phải trả phí 2.835 đồng, cộng với giá mua nước sản xuất là 4,000 đồng/m<sup>3</sup>. Do đó, phí hoạt động của những cơ sở sản xuất di dời vào các khu công nghiệp sẽ rất cao. Điều này làm cho nhiều cơ sở sản xuất né tránh việc xử lý nước và các chất thải rắn để đảm bảo lợi nhuận.

Đặc biệt, khi việc thực hiện chương trình không đồng bộ giữa các địa phương và giữa doanh nghiệp Nhà nước và tư nhân, dẫn đến sự cạnh tranh không bình đẳng và CSSX nhỏ sẽ phải chịu nhiều thiệt hại trong kinh doanh.

#### **9. Quỹ hỗ trợ hạn chế:**

Tháng 8/2003 UBND Thành phố có quyết định chi 200 tỷ đồng để di dời các cơ sở gây ô nhiễm năm 2003 (bao gồm cả doanh nghiệp thuộc Trung Ương, Thành phố quản lý và các cơ sở sản xuất vừa và nhỏ); trong đó, 20 tỉ đồng được chuyển cho Quỹ giảm thiểu ô nhiễm môi trường Thành phố để hỗ trợ di dời và cho vay không lãi suất đối với các dự án đầu tư giảm thiểu ô nhiễm của các cơ sở sản xuất kinh doanh được quy hoạch tại chỗ không phải di dời; còn lại 180 tỉ đồng chi cho các chính sách hỗ trợ di dời đã quy định cho các đơn vị thực hiện di dời theo quyết định của Thành phố. Dù vậy, kinh

phí nói trên rất hạn hẹp, không đáp ứng được nhu cầu cần thiết của cơ sở. Trong khi đó, nếu di dời thì các cơ sở sản xuất sẽ cần nguồn vốn rất lớn để xây dựng nhà xưởng; vốn mở rộng quy mô sản xuất; vốn đổi mới trang thiết bị, công nghệ sản xuất... Một số các cơ sở sản xuất có qui mô lớn như Nhà máy thuốc lá Sài Gòn với gần 2000 công nhân, nhất là khi sát nhập với Nhà Máy Thuốc lá Vinh Hội, sẽ gặp không ít khó khăn về vốn liếng, vấn đề đi lại của nhân công. Công ty Visan cũng gặp khó khăn về vốn khi dự tính cần khoảng 50 tỷ để đổi mới công nghệ, mở rộng mặt bằng sản xuất.

Hiện nay, còn thiếu nhiều đầu tư tài chính cho môi trường ở cả cấp Trung ương và địa phương để các cơ sở có nhu cầu cần sự hỗ trợ có thể tiếp cận. Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 82/2002/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ là một ví dụ điển hình cho cơ chế tài chính này; tuy nhiên tiêu chí hoạt động của Quỹ là chỉ cho vay với lãi suất ưu đãi theo nguyên tắc có hoàn vốn nên Quỹ không thể đáp ứng được nhu cầu cần hỗ trợ vốn đầu tư cho môi trường của các cơ sở trên phạm vi cả nước.

#### **10. Vấn đề lao động, việc làm:**

Những CSSX trước đây nằm trong khu dân cư, dạng hộ gia đình với quy mô nhỏ, thu hút lao động tại chỗ hoặc thông qua các mạng lưới xã hội (bạn bè, họ hàng,...). Việc di chuyển đến một địa bàn mới sẽ tạo ra sự xáo trộn đối với nguồn lao động. Nhiều lao động không chịu di chuyển theo CSSX và tìm kiếm các việc làm mới, nhất là di chuyển đến những địa bàn có các CSSX chưa bị bắt buộc phải di dời, ví dụ như trường hợp lao động của các CSSX thủy tinh tại quận Tân Bình tìm đến các CSSX chưa di dời tại quận 11. Bởi vì cũng cùng một mức lương như trước, nhưng khi các cơ sở di chuyển vào khu công nghiệp thì chi phí vận chuyển đi lại của công nhân tăng cao (mỗi ngày khoảng 20.000đồng). Trong khi đó nếu ở lại các công nhân sẽ thuận lợi hơn vì ở gần nơi họ sinh sống, không tốn quá nhiều chi phí đi lại và ăn uống. Riêng trong ngành thủy tinh, lao động phải là công nhân lành nghề mà không phải ai cũng làm được.

Chị Lý Khiết Bằng, công nhân cơ sở sản xuất thủy tinh, tại địa chỉ 32/9 Âu Cơ cho biết: nhà

chị có 2 người hiện đang làm công nhân cho cơ sở sản xuất thủy tinh tại khu công nghiệp Lê Minh Xuân. Từ khi cơ sở này di dời vào KCN Lê Minh Xuân họ thấy cuộc sống khó khăn hơn. Đi làm xa hơn, sáng phải dậy từ 4h30, rồi đi ra đón xe, tối đến 18h mới về tới nhà. Thu nhập giảm đi trong khi tiền lương vẫn như cũ (70 ngàn/ngày), bây giờ phải trả thêm chi phí xe cộ (xe buýt đến KCN 16 000 đồng/ngày). Khó khăn trong việc ăn uống vì người chủ không lo bữa trưa, do đó người công nhân ở một số cơ sở sản xuất phải tự túc trong khi tại khu công nghiệp nơi ăn trưa rất xa nên phải nấu cơm từ nhà mang đi). Để giải quyết khó khăn đó, một số cơ sở đã tăng lương và hỗ trợ tiền đi lại cho công nhân.

#### **11. Các kết quả tích cực**

*11.1. Lợi ích về môi trường và qui hoạch đô thị*

Chương trình di dời các CSSX gây ô nhiễm và và chuyển đổi công nghệ sản xuất, việc loại bỏ các sản phẩm không có khả năng cạnh tranh, áp dụng sản xuất sạch hơn đã làm giảm mức độ ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường đô thị hiệu quả hơn. Chất lượng môi trường trên địa bàn Thành phố đã được cải thiện rõ rệt qua sự giảm thiểu ô nhiễm về khí thải, nước thải, tiếng ồn do hoạt động công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Điều này thể hiện qua tình hình khiếu kiện của người dân về ô nhiễm môi trường ngày càng giảm tại các địa bàn nghiên cứu. Tại quận 11, trong 9 tháng đầu năm 2007, số lượng đơn phản ánh về môi trường so với cùng kì năm 2006 là 10/13, giảm 23%, số trường hợp bị xử phạt vi phạm hành chính về môi trường so với cùng kì năm 2006 là 9/13, giảm 31%. Nhiều khu phố văn hoá xanh - sạch đẹp, nhiều khu dân cư mới được qui hoạch, xây dựng khang trang (theo báo cáo của Quận 11).

Việc thực hiện chương trình di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường không chỉ cải thiện chất lượng môi trường mà còn góp phần thực hiện tốt công tác quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố. Trên quận 11, sau khi các doanh nghiệp như Công ty hộp sắt Tovecan, Công ti Dệt May Đông A, Công Ti Cổ Phần Nhựa Rạng Đông... thực hiện di dời, Quận sẽ sớm nhận lại mặt bằng để đầu tư vào các công trình phúc lợi công cộng như trường học, chợ, chung cư kết hợp khu thương mại. Đồng thời, một số cơ sở

đã tiến hành thực hiện chuyển đổi công năng tại địa điểm sản xuất cũ của mình thành văn phòng hoặc cho thuê mặt bằng để kinh doanh thương mại - dịch vụ. Cùng với các dự án phát triển các khu thương mại, chung cư cao tầng như trên sẽ làm thay đổi mỹ quan đô thị theo chiều hướng tích cực, thu hút đầu tư và phát triển kinh tế, đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế tăng tỉ trọng thương mại - dịch vụ đúng theo định hướng phát triển của Quận 11 và Quận Tân Bình.

### *11.2. Nâng cao hơn nhận thức của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường*

Qua công tác triển khai chương trình di dời, đa số các cơ sở đã có nhận thức đúng đắn về mục tiêu của chương trình di dời, chấp hành và tích cực xúc tiến các phương án giảm thiểu ô nhiễm môi trường phù hợp với điều kiện của từng cơ sở trong thời gian được gia hạn di dời.

Thông qua chương trình, nhiều doanh nghiệp đã nhận ra rằng xử lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường không chỉ giúp tránh được các tác động môi trường và ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người dân mà còn mang lại nhiều lợi ích trực tiếp cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp không chỉ hoạt động tăng năng suất, giảm giá thành sản phẩm mà còn phải gắn kết với các giá trị văn hoá, lợi ích cộng đồng trong quá trình sản xuất; đổi mới công nghệ kết hợp với giảm thiểu ô nhiễm là phương cách tốt nhất để kết hợp các lợi ích kinh tế và lợi ích xã hội và môi trường. Có thể, doanh nghiệp mới tạo được uy tín, lòng tin và hình ảnh đẹp trong lòng khách hàng và các đối tác trong tiến trình phát triển và hội nhập hiện nay.

Điển cứu tại cơ sở thuộc da Thái Hưng (Quận 11) nơi cung cấp cho các công ty thuộc Bộ Quốc Phòng, Bộ Công An để sản xuất quân trang, quân dụng, xuất khẩu ra thị trường: Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc... Công ty đã có nỗ lực rất cao trong việc kết hợp di dời với đầu tư nhà xưởng hoạt động theo quy trình công nghệ mới sản xuất ra sản phẩm thuộc da chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế và đáp ứng được mục tiêu chương trình phát triển sản xuất ngành thuộc da của thành phố. Sản phẩm của Hưng Thái đang hướng tới mở rộng sang thị trường các nước EU.

### **12. Các Tác Động Kinh Tế-Xã Hội Đối Với Các Cơ CSSX vừa và nhỏ**

Tác động đối với đời sống kinh tế của CSSX: Nhóm nghiên cứu đã tìm hiểu về những tác

động xã hội và kinh tế đối với các đối tượng là các CSSX di dời, giải thể... và đã phát hiện các vấn đề sau.

Đối với các CSSX không đủ năng lực để di dời vào KCN hay vùng phụ cận buộc phải giải thể, bản thân chủ CSSX và công nhân chịu một số tác động về tâm lý và xã hội như mất việc làm, giảm thu nhập và chất lượng sống trong gia đình giảm đi. Kết quả điều tra cho thấy những người dân này đang chịu đựng một cuộc sống có phần ảm đạm hơn, một vài chủ cơ sở sản xuất buồn, nản, bệnh tật và qua đời.

Các công nhân mất gặp khó khăn trong tìm kiếm việc làm mới, trong khi đó trợ cấp thất nghiệp của Nhà nước là 800.000 đồng/lao động đối với cơ sở sản xuất vừa và nhỏ (dưới 10 lao động), thực hiện di dời trong các năm 2004, 2005, 2006. với số tiền trợ cấp như vậy, các công nhân chỉ có thể sinh tồn trong một thời gian rất ngắn.

Hầu hết các doanh nghiệp gặp khó khăn trong đầu tư, chuyển đổi ngành nghề. Ví dụ các cơ sở sản xuất thuộc da trước đây có khả năng chủ động về nguồn hàng trong quá trình sản xuất của mình. Tuy nhiên, khi bỏ qua giai đoạn thuộc da, mà chỉ làm giai đoạn sơ chế thì đầu vào (nguồn hàng) bị lệ thuộc vào các cơ sở khác, có khi bị ép giá, dẫn đến giảm thu nhập và khó khăn trong sản xuất kinh doanh.

### **Tác động về văn hóa**

Trong quá trình phát triển đô thị, yếu tố truyền thống văn hóa lịch sử của ngành nghề vô cùng quan trọng trong vấn đề quy hoạch tổng thể Thành phố. Bởi vì dưới tác động động của đô thị hoá, các làng nghề truyền thống dần dần bị mai một, hầu như bị mất gốc như làng dệt Tân Bình, làng đúc đồng Tân Hòa Đông. Ở Quận 6 trước đây có hai làng nghề đúc nổi tiếng đó là làng nghề đúc đồng Tân Hòa Đông ở phường 14 và làng nghề đúc gang ở phường 10. Làng nghề đúc đồng Tân Hòa Đông đã có từ thế kỷ XIX, với nghề đúc lư hương nhất là lư tre mang đậm nét văn hoá truyền thống và thấm đẫm tâm hồn người Việt. Sản phẩm này được ưa chuộng khắp Nam Bộ và cả Miền Trung. Trước đây khu vực này ít dân cư nhưng đô thị hoá ngày càng lan rộng, dân các nơi đổ về sinh sống, nhà cửa mọc lên nhanh chóng, vì thế khói từ lò đúc gây ô nhiễm không khí ảnh hưởng đến cuộc sống



dân cư trong khu vực. Để thực hiện chủ trương di dời các cơ sở sản xuất ô nhiễm ra khỏi thành phố thì người thợ đúc ở đây phải di dời ra khỏi khu dân cư, nhưng do tính đặc thù của sản phẩm mà dần dần họ phải mất bán hàng tiêu thụ mất thiết từ lâu, mất nơi sản xuất và mất cả người thợ lao động.

### **Kết luận**

Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ là một nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Đồng thời, để giảm thiểu ô nhiễm môi trường cho sự phát triển bền vững của đô thị, việc di dời một bộ phận sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm ra khỏi nội thành, các khu dân cư đông đúc đang trở thành một nhu cầu tất yếu. Từ đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg phê duyệt kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, các cấp quản lý và thực hiện gặp nhiều khó khăn vì nhiều chính sách, cơ chế còn bất cập, ví dụ điển hình là bất cập giữa chính sách cho vay của ngân hàng và chính sách hỗ trợ của thành phố. Điều này dẫn đến nhiều trở ngại, khó khăn cho các CSSX vừa và nhỏ, trong việc đầu tư cơ sở hạ tầng, cải thiện qui trình công nghệ, và xử lý ô nhiễm, và chi trả các chi phí khác khi di dời vào KCN. Tóm lại, những bất cập trên đã ảnh hưởng

đến hiệu quả của chính sách này. Kết quả là, chương trình đã không thể hoàn thành như kế hoạch ban đầu mà kéo dài mãi đến hiện tại. Việc thực hiện các chính sách phát triển sẽ không thể tránh khỏi các tác động xã hội khác và việc hạn chế những tác động này là cần thiết để giúp cho sự phát triển được bền vững và vẫn giữ gìn được các bản sắc văn hóa riêng cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp của thành phố.

Dù đạt được một số thành quả tích cực, nhưng những bất cập trong tổ chức thực hiện sẽ làm tổn kém thêm ngân sách thành phố, tạo sự không cân xứng giữa ngân sách được đầu tư và hiệu quả của chương trình. Nhất là khi việc tái ô nhiễm diễn ra, sẽ làm cho mục tiêu chương trình không đạt được, kết hợp với mục tiêu qui hoạch bố trí lại CSSX cũng không đạt hiệu quả cao. Hậu quả của một chính sách không thành công cũng tác động không nhỏ đến cuộc sống người dân và nền kinh tế của TP, lãng phí thời gian và tiền bạc.

Do đó, để thực hiện chính sách cải thiện môi trường trong khi vẫn đảm bảo sự phát triển kinh tế và đời sống của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cần phải có sự điều chỉnh việc thực hiện các chính sách qua việc rút ra các bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện chương trình trong những năm qua và học tập từ các mô hình khác đã thực hiện trong khu vực và trên thế giới.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Báo cáo tổng kết chương trình di dời của các CSSX gây ô nhiễm môi trường vào KCN tập trung và vùng phụ cận 2002-2006 số 150/BC-UBND của quận 11, ngày 17/10/2007
2. Báo cáo tổng kết chương trình di dời của các CSSX gây ô nhiễm môi trường vào KCN tập trung và vùng phụ cận 2002-2006 của quận Tân Bình số 102/BC-UBND quận Tân Bình, ngày 4/12/2006.
3. Danh sách và đề xuất biện pháp xử lý các CSSX gây ô nhiễm môi trường và ô nhiễm môi trường nghiêm trọng số 4445/TNMT-QLMT ngày 5/6/2008.
4. Euis Darliana. Nỗ lực di dời công nghiệp nhằm giảm thiểu sự ô nhiễm môi trường, điển cứu tại KCN Ngagel-Surabaya, Indonesia. Tham luận hội nghị quốc tế về kinh nghiệm di dời ô nhiễm môi trường công nghiệp. Đề xướng Kytakyushu về môi trường sạch .2003
5. Nguyễn Thị Hồng, *Phổ biến kinh nghiệm việc di dời của các CSSX gây ô nhiễm môi trường vào KCN tập trung và vùng phụ cận 2002-2006*.
6. Yudi, 2003, *Di dời và chuyển đổi ngành nghề công nghiệp ở Đại Liên*, Tham luận hội nghị quốc tế về kinh nghiệm di dời ô nhiễm môi trường công nghiệp. Đề xướng Kytakyushu về môi trường sạch.
7. Qui định "chính sách tài chính cho việc di dời các CSSX gây ô nhiễm vào các KCN tập trung và cụm công nghiệp" kèm theo quyết định số 99/2005/QĐ-UBND 13/6/2005 của UBND TPHCM.
8. Quyết định về qui trình thủ tục và phân cấp thực hiện chính sách tài chính cho việc di dời các CSSX gây ô nhiễm môi trường vào các KCN tập trung và cụm công nghiệp, số 162/2005/QĐ-UBND, ngày 26/8/2005.
9. Quyết định của UBNDTP về việc công bố danh sách các ngành nghề sản xuất, kinh doanh không cấp mới giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, không cấp mới hay điều chỉnh giấy phép đầu tư trong KDC tập trung số 200/2004/UBND-UB, ngày 18/8/2004

10. Tham luận "Tình hình ô nhiễm môi trường và chương trình di dời CSSX công nghiệp gây ô nhiễm tại TPHCM" của Sở Công nghiệp TPHCM, 8/2003
11. Võ Thị Hiệp, 2003, "*Tình hình phát triển KCN và đón nhận di dời tại TPHCM*", Tham luận hội nghị quốc tế về kinh nghiệm di dời ô nhiễm môi trường công nghiệp.
12. Wu Jinsong, 2003, "*Sự phát triển bền vững ngành công nghiệp ở Thượng hải*", Tham luận hội nghị quốc tế về kinh nghiệm di dời ô nhiễm môi trường công nghiệp, Đề xướng Kytakyushu về môi trường sạch.
13. Các nguồn tin cập nhật từ báo chí, internet...

SUMMARY:

## **INVESTIGATING THE REAL SITUATION OF THE RELOCATION PROGRAM OF POLLUTING COMPANIES IN HO CHI MINH CITY**

**● Son Thanh Tùng, M.A.**

To alleviate the pollution in Hochiminh city, the city government has reviewed all companies operating in the city and started to relocate polluting companies in the suburb and industrial parks. The remaining ones are to improve their technologies or stop the operation. In 2002 the Program Directing Committee was formed, however, the program did not timely progress as planned and the Committee stopped working. After many times of extension, the program is ongoingly undertaken by district administrators. This paper analyses some occurring problems relevant to planning, finance, socio-economic factors which hinder the implementation of the program as well as the social impacts directly exerting on the lives of the workers in the targeted companies.